

BẢN SAO



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... 1020... Quyển số... 01-SCT/BS

Ngày: 26-08-2025

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



CÔNG CHỨNG VIÊN
Hoàng Minh Khoa



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH
Tầng 1, Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 41

03

03
010

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH
Tầng 1 Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc (*)
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (*)
Ông Vũ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2024)
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (*)
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc (*)
Bà Nguyễn Phương Nga	Phó Tổng Giám đốc (*)
Bà Đinh Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (*)
Ông Đinh Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc (*)
Ông Trần Ngọc Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024)

(*) *Bổ nhiệm cùng ngày 27 tháng 02 năm 2024*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được thay đổi thành Ban Điều hành, cụ thể như sau:

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (**)
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc (**)
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (**)
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (**)
Bà Nguyễn Phương Nga	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc

(**) *Thay đổi chức danh và bổ nhiệm cùng ngày 01 tháng 01 năm 2025*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH
Tầng 1 Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2025

Số: 0573/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán để ngày 29 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đỗ Trung Kiên
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Minh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 6193-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		474.898.416.127	718.828.326.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.520.671.074	4.113.102.278
1. Tiền	111		3.109.228.418	2.725.381.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.411.442.656	1.387.720.945
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	172.047.800.000	329.671.800.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	172.047.800.000	329.671.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		252.896.190.047	349.527.966.347
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	41.891.683.262	55.069.370.339
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		827.283.103	525.043.605
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	116.144.980.821	240.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	94.032.242.861	53.793.552.403
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.433.755.006	35.515.458.086
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	32.481.212.136	26.573.418.459
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.952.299.532	8.942.039.627
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	243.338	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.599.855.767.681	1.148.629.001.681
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.280.968.638	88.879.475.212
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	5.000.000.000	60.250.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	36.280.968.638	28.629.475.212
II. Tài sản cố định	220		14.004.363.818	7.637.253.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.518.649.522	4.315.824.920
- Nguyên giá	222		18.697.951.166	11.047.511.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.179.301.644)	(6.731.686.883)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.485.714.296	3.321.428.580
- Nguyên giá	228		7.553.400.000	7.553.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.067.685.704)	(4.231.971.420)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	9.878.942.866	10.109.990.170
- Nguyên giá	231		11.090.270.588	11.090.270.588
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.211.327.722)	(980.280.418)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.467.611.664.439	968.051.985.190
1. Đầu tư vào công ty con	251	5	1.218.860.500.000	596.260.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5	250.584.045.585	378.264.045.585
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	8.800.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(10.632.881.146)	(8.472.060.395)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		67.079.827.920	73.950.297.609
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	67.079.827.920	73.950.297.609
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.074.754.183.808	1.867.457.328.392

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.023.471.087.880	821.912.747.608
I. Nợ ngắn hạn	310		942.388.973.673	628.740.336.974
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	16.746.473.354	1.380.991.742
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	8.000.000.000	15.292.767.536
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	335.562.418	4.652.996.025
4. Phải trả người lao động	314		1.035.563.237	1.194.542.865
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	32.562.341.232	14.897.686.847
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	73.330.350.357	62.386.856.538
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	260.236.206.076	260.139.390.464
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	550.142.476.999	268.795.104.957
II. Nợ dài hạn	330		81.082.114.207	193.172.410.634
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	27.848.754.000	37.677.726.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	47.605.559.504	40.141.200.958
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	5.627.800.703	115.353.483.676
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.051.283.095.928	1.045.544.580.784
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.051.283.095.928	1.045.544.580.784
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		916.000.000.000	835.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		916.000.000.000	835.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.600.000.000	127.600.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.683.095.928	82.744.580.784
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.312.580.784	53.090.675.259
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.370.515.144	29.653.905.525
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.074.754.183.808	1.867.457.328.392

Lu

Nguyễn Hạnh Linh
Người lập biểu

Nguyễn Thái Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn


Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2025

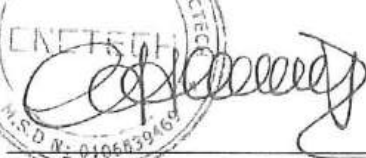
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	182.815.190.280	232.528.898.245
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	148.780.854
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	182.815.190.280	232.380.117.391
4. Giá vốn hàng bán	11	23	132.695.724.500	190.101.354.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		50.119.465.780	42.278.762.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	51.646.190.453	48.655.301.989
7. Chi phí tài chính	22	26	59.532.139.028	26.169.083.694
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.637.898.036	28.039.429.568
8. Chi phí bán hàng	25	27	1.144.241.254	1.014.850.127
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	34.840.487.071	29.762.760.723
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.248.788.880	33.987.370.171
11. Thu nhập khác	31		292.922.415	19.466.815
12. Chi phí khác	32		171.196.151	70.201.792
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		121.726.264	(50.734.977)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.370.515.144	33.936.635.194
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	4.282.729.669
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.370.515.144	29.653.905.525


Nguyễn Hạnh Linh
Người lập biểu


Nguyễn Thái Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.370.515.144	33.936.635.194
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư, và phân bổ tiền thuê đất	02	3.480.184.243	17.365.190.488
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	03 05	2.160.820.751 (51.943.791.873)	(1.948.160.564) (70.046.968.645)
Chi phí lãi vay	06	54.637.898.036	28.039.429.568
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.705.626.301	7.346.126.041
Thay đổi các khoản phải thu	09	26.880.233.047	44.364.424.807
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.922.726.487	296.632.246.629
Thay đổi chi phí trả trước	12	638.202.888	(66.396.524.160)
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	157.624.000.000	(329.671.800.000)
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.973.243.651)	(14.392.414.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.282.729.669)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	174.514.815.403	(62.117.941.147)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.309.802.272)	(1.606.911.849)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		172.189.917	69.009.846.100
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(122.906.980.821)	(598.790.186.782)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.860.000.000	229.764.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(339.572.500.000)	(328.561.550.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	57.200.000.000	75.901.761.396
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	16.828.157.500	10.757.946.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(345.728.935.676)	(543.524.594.805)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	208.800.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	921.362.705.259	715.204.059.631
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(749.741.016.190)	(429.847.474.810)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>171.621.689.069</i>	<i>494.156.584.821</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	407.568.796	(111.485.951.131)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.113.102.278	115.599.053.409
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.520.671.074	4.113.102.278

HL

Nguyễn Hạnh Linh
Người lập biểu

Nguyễn Thái Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CNC Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106839469 ngày 06 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 08 tháng 5 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 1, tòa nhà Vista, số 4/15 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 41 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; và
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư tài chính, thương mại và cho thuê bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

1) Thay đổi cổ đông lớn của Công ty

Trong năm 2024, Công ty TNHH FSI Holdings (cổ đông của Công ty) đã chuyển nhượng toàn bộ phần sở hữu của Công ty TNHH FSI Holdings tại Công ty cho Ông Nguyễn Văn Hùng. Việc chuyển nhượng được hoàn tất vào ngày 01 tháng 4 năm 2024. Do vậy, từ ngày 01 tháng 4 năm 2024, Công ty TNHH FSI Holdings không còn là công ty mẹ của Công ty, chuyển thành bên liên quan.

2) Công ty tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam ("CNCTech Hà Nam")

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt mua 6.580.000 cổ phần (tương đương 47% vốn điều lệ) của CNCTech Hà Nam với giá trị chuyển nhượng là 65.800.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01012024/HĐCNCNPHANAM-CNCSI-HO ngày 01 tháng 01 năm 2024 với Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC (bên liên quan) để nhận chuyển nhượng 6.580.000 cổ phần (tương đương 47% vốn điều lệ) của CNCTech Hà Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC, với giá trị chuyển nhượng là 65.800.000.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại CNCTech Hà Nam đều là 98%.

3) Công ty nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần CNCTech Global ("CNCTech Global")

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt mua 9.100.000 cổ phần với tổng giá trị chuyển nhượng là 97.800.000.000 VND và đăng ký mua thêm 3.780.000 cổ phần với giá trị là 37.800.000.000 VND. Theo đó:

Ngày 01 tháng 01 năm 2024, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0101/2024/HĐCNCN-CNCTECHBN, Công ty nhận chuyển nhượng 5.932.000 cổ phần (tương đương 59,32% vốn điều lệ) của CNCTech Global thuộc sở hữu của Công ty TNHH FSI Holdings (bên liên quan), với giá trị chuyển nhượng là 66.120.000.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại CNCTech Global đều là 59,32% và CNCTech Global trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1504/2024/HĐCNCN - CNCTechGlobal, Công ty tiếp tục nhận chuyển nhượng 968.000 cổ phần (tương đương 9,68% vốn điều lệ) của CNCTech Global từ Ông Trần Trung Kiên (cổ đông của CNCTech Global), với giá trị chuyển nhượng là 9.680.000.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại CNCTech Global đều là 69% kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCNCN, Công ty tiếp tục nhận chuyển nhượng 2.200.000 cổ phần (tương đương 22,00% vốn điều lệ) của CNCTech Global từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sơn Linh, với giá trị chuyển nhượng là 22.000.000.000 VND. Ngày 27 tháng 12 năm 2024, Công ty thực hiện góp vốn vào CNCTech Global với số tiền là 37.800.000.000 VND theo hình thức góp vốn bằng tiền.

Sau các giao dịch trên, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại CNCTech Global đều là 92%.

4) Công ty nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI ("FSI Group")

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc Công ty nhận ủy quyền 26% quyền biểu quyết tại FSI Group từ Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc ("Bảo Ngọc" - cổ đông của FSI Group). Công ty đã ký Văn bản Ủy quyền số 01/2024/UQ-Bảo Ngọc-CNCTechGroup ngày 31 tháng 01 năm 2024 với Bảo Ngọc để nhận ủy quyền 26% quyền biểu quyết của Bảo Ngọc tại FSI Group. Sau giao dịch này, Công ty nắm giữ 74% quyền biểu quyết tại FSI Group. Theo đó, Công ty sở hữu 48% vốn góp của FSI Group nhưng có quyền kiểm soát FSI Group và FSI Group trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Sau giao dịch trên, trong năm 2024, Công ty và các cổ đông khác tiếp tục góp vốn vào FSI Group với số tiền tương ứng là 90.720.000.000 VND và 98.280.000.000 VND. Sau các giao dịch góp vốn này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại FSI Group không thay đổi, tương ứng là 48% và 74%.

5) Công ty nắm giữ quyền kiểm soát Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc ("Hoàng Phúc")

Theo Nghị quyết số 3001/2024/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị FSI Group đã phê duyệt nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Hoàng Phúc với giá nhận chuyển nhượng là 266.000.000.000 VND. Theo đó, FSI Group đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/HĐCNVG/HP ngày 01 tháng 02 năm 2024 với Bà Phạm Thị Tính để nhận chuyển nhượng 53,2% phần vốn đã góp của Bà Phạm Thị Tính tại Hoàng Phúc, với giá chuyển nhượng là 266.000.000.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của FSI Group tại Hoàng Phúc đều là 53,2% và Hoàng Phúc trở thành công ty con trực tiếp của FSI Group kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Sau đó, theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/HĐCNVG/HP ngày 01 tháng 02 năm 2024, Công ty nhận chuyển nhượng 1,5% vốn góp của Hoàng Phúc từ Bà Phạm Thị Tính, với giá chuyển nhượng là 7.500.000.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty tại Hoàng Phúc đều là 1,5%.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, Bà Phạm Thị Tính đã góp bổ sung vốn vào Hoàng Phúc, với số tiền là 100.000.000.000 VND thông qua hình thức bù trừ công nợ từ khoản Bà Phạm Thị Tính cho Hoàng Phúc vay, làm cho vốn góp chủ sở hữu của Hoàng Phúc tăng từ 500 tỷ VND thành 600 tỷ VND.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Công ty và FSI Group tiếp tục mua lại phần vốn góp của Bà Phạm Thị Tính tại Hoàng Phúc với số tiền tương ứng là 140.278.000.000 VND và 31.500.000.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty và FSI Group tại Hoàng Phúc tương ứng 24,63% và 49,5% và Hoàng Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2024.

Từ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và ngày 04 tháng 6 năm 2024, FSI Group tiếp tục mua lại phần vốn góp của Bà Phạm Thị Tính tại Hoàng Phúc với số tiền là 154.722.000.000 VND.

Sau các giao dịch chuyển nhượng và góp vốn nêu trên, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty và FSI Group tại Hoàng Phúc tương ứng là 24,63% và 75,37%. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tính cả tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua FSI Group, Công ty nắm giữ quyền kiểm soát Hoàng Phúc và khoản đầu tư vào Hoàng Phúc trên báo cáo tài chính riêng được trình bày là đầu tư vào công ty con.

6) Công ty nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Arts Group ("Arts Group")

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt mua 4.172.250 cổ phần của Arts Group với giá trị chuyển nhượng là 41.722.500.000 VND và đăng ký mua thêm 1.330.000 cổ phần với giá trị là 13.300.000.000 VND, sau khi thực hiện giao dịch tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết Công ty tại Arts Group là 54,13%.

Ngày 01 tháng 01 năm 2024, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0101/2024/HĐCNCP Ms.Nga – CNCTech, Công ty nhận chuyển nhượng 3.092.250 cổ phần (tương đương 35% vốn điều lệ) của Arts Group từ Bà Nguyễn Phương Nga (cổ đông của Arts Group và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) với giá trị chuyển nhượng là 30.922.500.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Arts Group đều là 35% và Arts Group trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, Công ty tiếp tục góp vốn vào Arts Group với số tiền là 13.300.000.000 VND làm cho tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Arts Group đều tăng lên thành 43,51%.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2412/2024/HĐCNCP-ARTS GROUP, Công ty tiếp tục nhận chuyển nhượng 1.080.000 cổ phần (tương đương 10,625% vốn điều lệ) của Arts Group từ Business Executive Investment Limited (cổ đông của Arts Group), với giá trị chuyển nhượng là 10.800.000.000 VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Arts Group đều là 54,13% và Art Group trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết mà Công ty nắm giữ tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp như sau:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
a) Công ty con trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	Bình Dương	99,00%	99,00%	Sản xuất công nghiệp hỗ trợ và cho thuê nhà xưởng
2	Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	Hà Nam	98,00%	98,00%	Cho thuê nhà xưởng
3	Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	Thành phố Hồ Chí Minh	96,92%	96,92%	Sản xuất công nghiệp hỗ trợ và cho thuê nhà xưởng
4	Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	Vĩnh Phúc	94,23%	94,23%	Sản xuất công nghiệp hỗ trợ và cho thuê nhà xưởng
5	Công ty Cổ phần CNCTech Global	Vĩnh Phúc	92,00%	92,00%	Cho thuê nhà xưởng
6	Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	79,49%	79,49%	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, cho thuê nhà xưởng
7	Công ty Cổ phần Arts Group	Vĩnh Phúc	54,13%	54,13%	Sản xuất gia công thiết bị dụng cụ y tế
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	Vĩnh Phúc	48,00%	74,00%	Kinh doanh bất động sản
b) Công ty con gián tiếp					
1	Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Hà Nội	24,63%	100%	Đầu tư tài chính
c) Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	50,00%	50,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO	Hà Nội	49,00%	49,00%	Sản xuất, gia công các thiết bị điện tử viễn thông
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	Bình Dương	36,03%	36,03%	Sản xuất gia công linh kiện đầu khí
4	Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	Hà Nội	35,14%	35,14%	Nghiên cứu, thiết kế và sản xuất máy chuyên dụng
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana	Vĩnh Phúc	25,00%	25,00%	Sản xuất camera an ninh thông minh

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác. Người đọc cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của toàn Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	4 - 10

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	48

Chuyển đổi mục đích sử dụng

Việc chuyển từ bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư hoặc bất động sản đầu tư sang hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê nhà xưởng trả trước, chi phí thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước, chi phí thuê đất trả trước thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	-	39.361.729
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.109.228.418	2.686.019.604
Các khoản tương đương tiền (i)	1.411.442.656	1.387.720.945
	4.520.671.074	4.113.102.278

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 1,6%/năm đến 2,9%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh		
Mua nợ của Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương (i)	172.047.800.000	172.047.800.000
Vốn góp Công ty TNHH J&D Partners	-	157.624.000.000
	172.047.800.000	329.671.800.000

- (i) Phản ánh số tiền mua lại các khoản nợ tín dụng của Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương ("Bên nợ") tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ("Vietinbank") theo các hợp đồng mua bán nợ giữa Công ty và Vietinbank.

Các khoản mua lại bao gồm toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với khoản nợ của Vietinbank đối với Bên nợ, quyền xử lý tài sản bảo đảm và các quyền, lợi ích khác có liên quan theo quy định của pháp luật thuộc quyền sở hữu của Vietinbank. Sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ theo hợp đồng với Vietinbank thì Công ty là chủ nợ của Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương. Các khoản nợ này được Bên nợ thế chấp bằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (của cá nhân và tổ chức), giá trị vốn góp của Công ty Cổ phần ĐTK và một số cá nhân vào tổ chức khác và các tài sản khác.

Công ty đã ký thỏa thuận nguyên tắc ngày 23 tháng 6 năm 2023 với Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc (bên liên quan) về việc chuyển nhượng quyền đòi nợ của Công ty tại Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương kèm theo tài sản thế chấp là 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương cho Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc. Công ty đã nhận tiền đặt cọc theo thỏa thuận này (xem Thuyết minh số 18).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	301.520.000.000	-	(i)	301.520.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	218.400.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	147.778.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	139.500.000.000	-	(i)	139.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	137.200.000.000	-	(i)	71.400.000.000	(8.344.585.383)	(i)
Công ty Cổ phần CNCTech Global	135.600.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty Cổ phần Arts Group	55.022.500.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	48.950.000.000	-	(i)	48.950.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	34.890.000.000	-	(i)	34.890.000.000	-	(i)
	1.218.860.500.000			596.260.000.000	(8.344.585.383)	
b) Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	125.000.000.000	(62.374.058)	(i)	125.000.000.000	(11.460.836)	(i)
Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO	56.586.065.585	-	(i)	56.586.065.585	-	(i)
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	43.233.800.000	(10.570.507.088)	(i)	43.233.800.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	18.264.180.000	-	(i)	18.264.180.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana	7.500.000.000	-	(i)	7.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	-	-	(i)	127.680.000.000	(116.014.176)	(i)
	250.584.045.585	(10.632.881.146)		378.264.045.585	(127.475.012)	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Clusters	8.800.000.000	-	(i)	-	-	(i)
	8.800.000.000					

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	17.402.647.350	29.640.160.144
Công ty TNHH FSI Holdings	8.533.098.360	-
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	8.387.404.658	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	-	18.732.968.335
Khác	7.568.532.894	6.696.241.860
	<u>41.891.683.262</u>	<u>55.069.370.339</u>

Trong đó:

Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 30)

10.739.809.312

2.571.851.946

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI (i)	54.400.000.000	13.920.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương (ii)	28.698.000.000	23.898.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC (i)	19.222.000.000	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ (i)	8.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Global (i)	3.824.980.821	-
Bà Vũ Thị Minh Ngọc (iii)	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	178.722.000.000
Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương	-	5.200.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	-	9.000.000.000
	<u>116.144.980.821</u>	<u>240.140.000.000</u>

Trong đó:

Phải thu về cho vay ngắn hạn với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 30)

114.144.980.821

240.140.000.000

b) Dài hạn

Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ (i)	5.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	-	54.750.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	-	1.500.000.000
	<u>5.000.000.000</u>	<u>60.250.000.000</u>

Trong đó:

Phải thu về cho vay dài hạn các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 30)

5.000.000.000

60.250.000.000

- (i) Khoản Công ty cho các công ty con, công ty liên kết của Công ty vay theo các hợp đồng cho vay, với lãi suất từ 12%/năm đến 18%/năm. Các khoản cho vay này không có tài sản bảo đảm.
- (ii) Khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương vay theo các hợp đồng vay giữa 2 bên, với thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm.
- (iii) Khoản Công ty cho Bà Vũ Thị Minh Ngọc vay theo các hợp đồng vay giữa 2 bên, với thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Đặt cọc mua cổ phần (i)	62.318.285.758	31.632.627.260
Chi phí giải phóng mặt bằng trả trước (ii)	13.534.432.003	6.714.898.963
Cổ tức phải thu (iii)	9.100.000.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.522.609.850	10.649.327.172
Phải thu ngắn hạn khác	556.915.250	4.796.699.008
	94.032.242.861	53.793.552.403
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	55.718.186.156	8.210.677.880
b. Dài hạn		
Đặt cọc thuê nhà xưởng	36.197.002.512	28.613.289.312
<i>Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam</i>	17.675.868.672	17.675.868.672
<i>Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long</i>	14.616.055.440	7.032.342.240
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vietland</i>	3.905.078.400	3.905.078.400
Phải thu dài hạn khác	83.966.126	16.185.900
	36.280.968.638	28.629.475.212
Trong đó:		
Phải thu dài hạn khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	32.291.924.112	24.708.210.912

(i) Đặt cọc mua cổ phần bao gồm:

- Khoản Công ty đặt cọc cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (bên liên quan) để mua phần sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc tại Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐNTCNVG/LOGBG ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa 2 bên, với số tiền là 38.185.658.498 VND; và
- Khoản Công ty đặt cọc cho bà Vũ Thị Minh Ngọc để mua cổ phần của bà Vũ Thị Minh Ngọc tại Công ty Cổ phần ĐTK theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa 2 bên, với số tiền là 24.132.627.260 VND.

(ii) Phản ánh khoản Công ty trả tiền cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Tam Dương cho Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

(iii) Phản ánh số tiền cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần CNCTech Global (bên liên quan).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê nhà xưởng trả trước (i)	32.481.212.136	26.234.030.736
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	339.387.723
	32.481.212.136	26.573.418.459
b) Dài hạn		
Chi phí thuê nhà xưởng trả trước (i)	54.960.635.746	59.955.224.290
Chi phí thuê đất trả trước (ii)	11.329.519.892	11.653.993.016
Chi phí trả trước dài hạn khác	789.672.282	2.341.080.303
	67.079.827.920	73.950.297.609

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí thuê nhà xưởng trả trước phản ánh:

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước ngắn hạn:

- Công ty đã trả trước 12 tháng tiền thuê nhà xưởng tại Lô F4B, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, với thời gian thuê 5 năm, từ ngày 09 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2028 cho Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam (bên liên quan) chờ phân bổ; và
- Công ty đã trả trước 3 tháng tiền thuê nhà xưởng tại Lô 49, xã Sơn Lôi, Khu công nghiệp Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, với thời gian thuê 10 năm, từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đến ngày 28 tháng 2 năm 2034 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vietland chờ phân bổ.

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước dài hạn:

- Số tiền Công ty đã trả một lần cho Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long (bên liên quan) chờ phân bổ. Theo hợp đồng thuê giữa 2 bên, Công ty đã thuê nhà xưởng tại Lô F3, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, với thời gian thuê 30 năm, từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2052; và
 - Số tiền Công ty đã trả một lần cho Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam (bên liên quan) chờ phân bổ. Theo hợp đồng thuê giữa 2 bên, Công ty đã thuê nhà xưởng tại Lô F4B, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, với thời gian thuê 5 năm, từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến ngày 31 tháng 10 năm 2028.
- (ii) Số tiền Công ty đã trả tiền một lần cho Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh chờ phân bổ. Theo hợp đồng thuê giữa 2 bên, Công ty đã thuê đất tại số 7, đường BH1, Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh, phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với thời gian thuê 18 năm, từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2038.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	10.378.779.531	668.732.272	11.047.511.803
Tăng trong năm	9.246.475.000	63.327.272	9.309.802.272
Thanh lý, nhượng bán	(1.659.362.909)	-	(1.659.362.909)
Số dư cuối năm	17.965.891.622	732.059.544	18.697.951.166
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	6.443.067.507	288.619.376	6.731.686.883
Khấu hao trong năm	1.946.945.447	142.004.084	2.088.949.531
Thanh lý, nhượng bán	(1.641.334.770)	-	(1.641.334.770)
Số dư cuối năm	6.748.678.184	430.623.460	7.179.301.644
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	3.935.712.024	380.112.896	4.315.824.920
Tại ngày cuối năm	11.217.213.438	301.436.084	11.518.649.522

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.184.839.545 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.751.275.181 VND).

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 11.217.213.438 VND (tại 31 tháng 12 năm 2023: 3.935.712.024 VND) để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 20).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	7.553.400.000
Số dư cuối năm	7.553.400.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	4.231.971.420
Khấu hao trong năm	835.714.284
Số dư cuối năm	5.067.685.704
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	3.321.428.580
Tại ngày cuối năm	2.485.714.296

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53.400.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 53.400.000 VND).

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	<u>11.090.270.588</u>
Số dư cuối năm	<u>11.090.270.588</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	980.280.418
Khấu hao trong năm	231.047.304
Số dư cuối năm	<u>1.211.327.722</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>10.109.990.170</u>
Tại ngày cuối năm	<u>9.878.942.866</u>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là một sản văn phòng của dự án "Tổ hợp văn phòng, thương mại, dịch vụ, nhà trẻ và căn hộ" tại Khu Đô thị Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	14.895.334.259	32.730.708
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Dzĩ An	732.440.000	732.440.000
Các nhà cung cấp khác	1.118.699.095	615.821.034
	<u>16.746.473.354</u>	<u>1.380.991.742</u>
Trong đó:		
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	14.895.334.259	32.730.708

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Ngô Hùng Tín	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Cybertech Việt Nam	3.000.000.000	10.000.000.000
Các đối tượng khác	-	292.767.536
	8.000.000.000	15.292.767.536

Trong đó:

Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	-	292.300.376
--	---	-------------

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	243.338	243.338
	-	-	243.338	243.338
b) Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.282.486.331	-	4.282.486.331	-
Thuế thu nhập cá nhân	370.509.694	3.220.947.536	3.255.894.812	335.562.418
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.047.480.000	1.047.480.000	-
	4.652.996.025	4.268.427.536	8.585.861.143	335.562.418

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	32.049.156.629	14.384.502.244
Chi phí phải trả khác	513.184.603	513.184.603
	32.562.341.232	14.897.686.847

Trong đó:

Chi phí phải trả ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	31.965.978.547	14.312.022.909
---	----------------	----------------

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
<i>Tiền nhận trước cho thuê nhà xưởng ngắn hạn</i>	73.330.350.357	62.386.856.538
Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam	52.866.160.580	52.348.605.275
Công ty TNHH Asian Power Devices Vietnam	16.729.819.200	-
Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm	2.928.808.800	7.393.213.200
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	327.842.839	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	276.788.146	372.487.500
Công ty Cổ phần CNCTech Global	165.759.040	264.014.092
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	35.171.752	652.703.751
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	-	1.081.800.720
Công ty TNHH RCE-VINA	-	274.032.000
	73.330.350.357	62.386.856.538
Trong đó:		
Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	805.561.777	2.371.006.063
b) Dài hạn		
<i>Tiền nhận trước cho thuê nhà xưởng dài hạn</i>	27.848.754.000	37.677.726.000
Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam	27.848.754.000	27.848.754.000
	27.848.754.000	37.677.726.000

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh khoản doanh thu cho các khách hàng nêu trên thuê nhà xưởng mà Công ty đã nhận trước liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh (i)	249.800.000.000	249.800.000.000
Nhận đặt cọc cho thuê nhà xưởng ngắn hạn	5.521.200.000	5.451.200.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Thái Sơn	5.451.200.000	5.451.200.000
Công ty TNHH RCE-VINA	70.000.000	-
Phải trả các cá nhân ủy quyền góp vốn (ii)	4.104.925.000	4.104.925.000
Phải trả ngắn hạn khác	810.081.076	783.265.464
	260.236.206.076	260.139.390.464
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	249.800.000.000	268.089.189.562
b) Dài hạn		
<i>Nhận đặt cọc cho thuê nhà xưởng dài hạn</i>	47.605.559.504	40.141.200.958
Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam	30.229.490.304	27.695.131.758
Công ty TNHH Asian Power Devices Vietnam	7.982.856.000	7.982.856.000
Công ty TNHH In Nhật Hàn	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm	4.393.213.200	4.393.213.200
Công ty TNHH RCE-VINA	-	70.000.000
	47.605.559.504	40.141.200.958

- (i) Khoản tiền Công ty nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần MKC Vinh Phúc (bên liên quan) theo Thỏa thuận nguyên tắc ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa 2 bên về việc chuyển nhượng quyền đòi nợ của Công ty tại Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương kèm theo tài sản thế chấp là 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương. Theo thỏa thuận này, quyền đòi nợ được chuyển giao một phần từ Công ty sang Công ty Cổ phần MKC Vinh Phúc khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và tương ứng với giá trị đặt cọc.
- (ii) Khoản tiền nhận từ các cá nhân ủy quyền cho Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO (bên liên quan) theo Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần số 2508/TTCNCP-VINECO-CNC Holdings Việt Nam ngày 25 tháng 8 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCCTECH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn không là bên liên quan	10.685.850.961	10.685.850.961	17.131.520.985	19.912.206.787	7.905.165.159
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.685.850.961	6.685.850.961	16.131.520.985	15.912.206.787	6.905.165.159
- Chi nhánh Nam Thăng Long (i)	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Từ Hồ (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Bà Phạm Mai Trang	227.264.250.000	227.264.250.000	922.631.184.274	659.871.434.274	490.024.000.000
b) Vay ngắn hạn là bên liên quan	31.200.000.000	31.200.000.000	490.084.000.000	209.550.000.000	311.734.000.000
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc (iii)	-	-	196.250.000.000	71.090.000.000	125.160.000.000
Công ty Cổ phần CNCCTech Thăng Long (iii)	-	-	46.000.000.000	6.670.000.000	39.330.000.000
Công ty Cổ phần CNCCTech Hà Nam (iii)	-	-	8.800.000.000	-	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster (iii)	16.800.000.000	16.800.000.000	-	13.800.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana (iii)	-	-	6.800.000.000	4.800.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Arts Group (iii)	-	-	129.100.000.000	129.100.000.000	-
Công ty Cổ phần CNCCTech Global	-	-	3.300.000.000	165.389.250.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	162.089.250.000	162.089.250.000	-	17.175.000.000	-
Công ty Cổ phần CNCCTech Bình Dương	17.175.000.000	17.175.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư CLI	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	-	-	3.797.184.274	3.797.184.274	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	-	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-
Bà Nguyễn Phương Nga	-	-	52.213.311.840	30.845.003.996	52.213.311.840
c) Vay dài hạn đến hạn trả	30.845.003.996	30.845.003.996	51.000.000.000	-	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	-	-	816.494.844	-	816.494.844
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	408.003.996	408.003.996	395.816.996	408.003.996	396.816.996
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	-	-
- Chi nhánh Mỹ Đình	30.437.000.000	30.437.000.000	-	30.437.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	268.795.104.957	268.795.104.957	991.976.017.099	710.628.645.057	550.142.476.999
	268.795.104.957	268.795.104.957	991.976.017.099	710.628.645.057	550.142.476.999

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

- (i) Theo hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, khoản vay ngắn hạn có hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức tối đa 12 tháng đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2025, cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân, tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn được quy định trên giấy nhận nợ, từ 7%/năm đến 9%/năm trong năm 2024 (năm 2023: từ 6,5%/năm đến 8,8%/năm), lãi vay được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng tài sản của bên thứ ba (bất động sản của Bà Nguyễn Phương Nga - Phó Tổng Giám đốc Công ty) để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghệ Tứ Hồ, khoản vay ngắn hạn có số dư là 1.000.000.000 VND. Thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, tối đa đến ngày 15 tháng 5 năm 2025, cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Lãi suất khoản vay năm 2024 là 12%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iii) Khoản Công ty vay từ các công ty con, công ty liên kết và bên liên quan của Công ty vay theo các hợp đồng vay ngắn hạn, thời gian vay là 12 tháng, cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Lãi suất của các khoản vay này là từ 5%/năm đến 12%/năm. Các khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay dài hạn không là bên liên quan	95.198.487.672	95.198.487.672	6.600.000.000	94.957.375.129	6.841.112.543	6.841.112.543
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	6.600.000.000	612.371.133	5.987.628.867	5.987.628.867
- Chi nhánh Vĩnh Phúc (i)	1.261.487.672	1.261.487.672	-	408.003.996	853.483.676	853.483.676
Ngân hàng TMCP Quân đội	30.437.000.000	30.437.000.000	-	30.437.000.000	-	-
- Chi nhánh Mỹ Đình (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-	-
Ông Đỗ Cao Bằng	51.000.000.000	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000	51.000.000.000
Bà Nghiêm Thị Minh Thủy	51.000.000.000	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000	51.000.000.000
b) Vay dài hạn là bên liên quan						
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam (iii)	146.198.487.672	146.198.487.672	6.600.000.000	94.957.375.129	57.841.112.543	57.841.112.543

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

52.213.311.840
5.627.800.703

(i) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc, khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 6.000.000.000 VND. Thời gian cấp hạn mức là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, cho mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô của Công ty. Lãi suất khoản vay trong năm 2024 là 5,9%/năm, lãi vay được trả hàng tháng.

(ii) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình, khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 1.3700.000.000 VND. Thời gian cấp hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, cho mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô của Công ty. Lãi suất khoản vay trong năm 2024 là 10%/năm (năm 2023: 10%/năm), lãi vay được trả hàng tháng.

Công ty đã sử dụng tài sản cố định của Công ty (xe ô tô được tài trợ bởi chính khoản vay) để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (xem Thuyết minh số 10).

(iii) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam (bên liên quan), khoản vay dài hạn có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 51.000.000.000 VND. Thời gian vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Lãi suất khoản vay năm 2024 là 12%/năm (năm 2023: 12%/năm), lãi vay được thanh toán vào ngày đáo hạn. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Các khoản vay dài hạn có lịch trả nợ như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	52.213.311.840	30.845.003.996
Trong năm thứ hai	1.090.494.840	114.896.816.996
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.537.305.863	456.666.680
	57.841.112.543	146.198.487.672
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	52.213.311.840	30.845.003.996
Số phải trả sau 12 tháng	5.627.800.703	115.353.483.676

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	696.000.000.000	58.000.000.000	53.630.675.259	807.630.675.259
Tăng vốn trong năm	139.200.000.000	69.600.000.000	-	208.800.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	29.653.905.525	29.653.905.525
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
Số dư đầu năm nay	835.200.000.000	127.600.000.000	82.744.580.784	1.045.544.580.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.370.515.144	6.370.515.144
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	80.800.000.000	-	(80.800.000.000)	-
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	(632.000.000)	(632.000.000)
Số dư cuối năm nay	916.000.000.000	127.600.000.000	7.683.095.928	1.051.283.095.928

- (i) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-CNCTech ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã trả thù lao cho Hội đồng Quản trị với số tiền là 632.000.000 VND; và chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, với số tiền là 80.800.000.000 VND, hình thức chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu. Công ty đã hoàn tất thủ tục chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ vào ngày 08 tháng 5 năm 2024.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần 19 ngày 08 tháng 5 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 916.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Hùng	451.199.670.000	49,26	1.749.970.000	0,21
Công ty TNHH FSI Holdings	-	-	488.718.070.000	58,52
Tang Wing Fong Terry	94.806.140.000	10,35	86.443.330.000	10,35
Công ty Cổ phần Công nghệ cao MK	76.333.330.000	8,33	69.600.000.000	8,33
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB	45.800.000.000	5,00	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư TAT	45.800.000.000	5,00	-	-
Các đối tượng khác	202.060.860.000	22,06	188.688.630.000	22,59
	916.000.000.000	100	835.200.000.000	100

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, có số lượng là 91.600.000 cổ phiếu.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cho thuê và dịch vụ	121.040.612.966	60.484.768.346
Doanh thu bán hàng hóa	61.774.577.314	101.544.129.899
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	70.500.000.000
	182.815.190.280	232.528.898.245
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	148.780.854
	-	148.780.854
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.815.190.280	232.380.117.391
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	13.485.300.726	6.403.265.932

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cho thuê và dịch vụ cung cấp	88.163.191.198	42.901.215.490
Giá vốn hàng hóa đã bán	44.532.533.302	98.113.787.519
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	49.086.351.656
	132.695.724.500	190.101.354.665

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	20.392.879.545	15.749.589.280
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư, và phân bổ tiền thuê đất	3.480.184.243	17.365.190.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.054.478.390	29.175.271.201
Chi phí khác bằng tiền	17.752.910.647	11.415.542.045
	168.680.452.825	73.705.593.014

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	27.816.000.000	-
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu đầu tư	12.100.467.468	21.282.347.591
Lãi từ cổ tức	11.700.972.710	27.350.972.710
Doanh thu hoạt động tài chính khác	28.750.275	21.981.688
	51.646.190.453	48.655.301.989

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	54.637.898.036	28.039.429.568
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	2.160.820.751	(1.948.160.564)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.534.358.546	77.814.690
Chi phí tài chính khác	199.061.695	-
	59.532.139.028	26.169.083.694

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu quản lý	149.313.632	120.668.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	100.533.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.500.000	515.712.245
Chi phí bán hàng khác	992.427.622	277.936.364
	1.144.241.254	1.014.850.127
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	20.392.879.545	15.749.589.280
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.963.958.827	2.316.596.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.155.711.119	2.278.798.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.583.243.843	4.204.344.006
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.744.693.737	5.213.433.106
	34.840.487.071	29.762.760.723

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	4.282.729.669
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	4.282.729.669

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.370.515.144	33.936.635.194
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(6.370.515.144)	(12.522.986.850)
Cộng:	28.847.330.338	1.568.747.602
Các chi phí không được trừ	28.847.330.338	1.568.747.602
Trừ:	(11.700.972.710)	(27.350.972.710)
Thu nhập từ cổ tức	(11.700.972.710)	(27.350.972.710)
Lỗ được chuyển	-	13.259.238.258
Chuyển lỗ	(23.516.872.772)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm hiện hành	-	21.413.648.344
Thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường	-	-
Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản	-	21.413.648.344
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	4.282.729.669

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Thời gian chuyển lỗ được tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về việc thu được lợi nhuận trong tương lai để bù trừ. Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nếu không được chuyển lỗ hàng năm, sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ tính thuế đã chuyển đến ngày 31/12/2024 VND	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2024 VND
2022	2027	17.356.052.487	17.356.052.487	-
2023	2028	13.259.238.258	6.160.820.285	7.098.417.973
		30.615.290.745	23.516.872.772	7.098.417.973

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết chuyển nhượng cổ phần

Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần số 2508/TTCNCP-VINECO-CNC Holdings Việt Nam ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty cam kết chuyển nhượng 298.300 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO ("VINECO") cho người lao động của VINECO, với giá trị chuyển nhượng là 14.750 VND/cổ phần. Thời điểm chuyển nhượng được quy định cụ thể trong thỏa thuận. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn chưa chuyển nhượng số lượng cổ phần nêu trên.

Cam kết thuê hoạt động

Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động là nhà xưởng tại Khu công nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc và thuê đất tại tỉnh Bắc Ninh. Các khoản thuê hoạt động được thanh toán một lần hoặc nhiều lần trong suốt thời gian thuê.

Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm là 14.214.355.251 VND (năm 2023: 13.722.978.983 VND).

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty cùng với các bên liên quan đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long (công ty con) tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư khoản vay của CNCTech Thăng Long được Công ty bảo lãnh là 332.552.240.482 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 324.257.696.071 VND).

30. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Công ty con
Công ty Cổ phần Arts Group	Công ty con
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH FSI Holdings	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành/Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.485.300.726	6.403.265.932
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	6.129.805.820	4.431.375.900
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	3.092.447.186	266.062.500
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	1.860.573.634	913.785.251
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	1.486.615.666	-
Công ty Cổ phần CNCTech Global	764.258.420	792.042.281
Công ty TNHH Phát Triển Nam Bình Xuyên Green Park	80.000.000	-
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	71.600.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	109.050.108.718	113.346.902.957
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	64.181.824.102	86.110.884.714
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	43.504.814.616	27.236.018.243
Công ty Cổ phần SMCTech	1.363.470.000	-
Chuyển nhượng bất động sản đầu tư	-	70.500.000.000
Công ty Cổ phần Arts Group	-	70.500.000.000
Thu hồi tiền chuyển nhượng dự án	-	67.000.000.000
Công ty Cổ phần Arts Group	-	67.000.000.000
Góp vốn	257.050.000.000	185.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	140.150.000.000	114.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	65.800.000.000	-
Công ty Cổ phần CNCTech Global	37.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Arts Group	13.300.000.000	-
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	-	31.000.000.000
Đi vay	914.831.184.274	630.154.250.000
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	490.084.000.000	136.090.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	196.250.000.000	-
Công ty Cổ phần CNCTech Global	129.100.000.000	-
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	46.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư CLI	15.000.000.000	-
Bà Nguyễn Phương Nga	13.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	10.000.000.000	76.000.000.000
Công ty Cổ phần Arts Group	6.800.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	3.797.184.274	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	3.300.000.000	379.264.250.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tứ Hồ	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	-	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana	-	16.800.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.739.809.312	2.571.851.946
Công ty TNHH FSI Holdings	8.533.098.360	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	1.608.562.027	-
Công ty Cổ phần CNCTech Global	364.669.888	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	230.794.522	-
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	2.684.515	-
Công ty Cổ phần SMCTech	-	1.159.512.736
Công ty Cổ phần Arts Group	-	1.412.339.210
Phải thu về cho vay ngắn hạn	114.144.980.821	240.140.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	54.400.000.000	13.920.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	28.698.000.000	23.898.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	19.222.000.000	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	8.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Global	3.824.980.821	-
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	178.722.000.000
Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương	-	5.200.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	-	9.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	5.000.000.000	60.250.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	5.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	-	54.750.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	-	1.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	55.718.186.156	8.210.677.880
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	38.185.658.498	-
Công ty Cổ phần CNCTech Global	9.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	3.861.222.575	-
Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương	1.689.306.836	1.286.728.768
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	1.521.283.726	607.331.507
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	1.360.714.521	633.343.562
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	-	5.666.178.153
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	-	17.095.890
Phải thu dài hạn khác	32.291.924.112	24.708.210.912
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	14.616.055.440	7.032.342.240
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	17.675.868.672	17.675.868.672
Phải trả người bán ngắn hạn	14.895.334.259	32.730.708
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	14.895.334.259	32.730.708
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	292.300.376
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	-	292.300.376
Chi phí phải trả ngắn hạn	31.965.978.547	14.312.022.909
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	27.366.403.751	2.738.003.924
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	2.284.648.768	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	2.212.383.562	-
Công ty Cổ phần Arts Group	102.542.466	-
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	-	4.649.950.685
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	-	6.924.068.300

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	805.561.777	2.371.006.063
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	327.842.839	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	276.788.146	372.487.500
Công ty Cổ phần CNCTech Global	165.759.040	264.014.092
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	35.171.752	652.703.751
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	-	1.081.800.720
Phải trả ngắn hạn khác	249.800.000.000	268.089.189.562
Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	249.800.000.000	249.800.000.000
Công ty Cổ phần Anotech Bình Dương	-	17.500.806.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	-	788.383.562

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành/Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	4.868.188.381	4.002.224.852
Ông Nguyễn Văn Hùng	2.915.440.068	1.453.333.332
Ông Vũ Anh Tuấn	1.641.790.313	1.670.834.848
Ông Nguyễn Trung Kiên	214.958.000	782.056.672
Ông Nguyễn Trọng Khang	96.000.000	96.000.000
Ban Điều hành/Ban Tổng Giám đốc	2.850.235.168	3.216.541.240
Bà Nguyễn Phương Nga	1.841.774.062	732.255.173
Bà Nguyễn Thị Dung	803.830.004	733.533.336
Ông Trần Ngọc Cường	172.631.102	1.085.004.536
Bà Vũ Thị Thanh Bình	32.000.000	419.248.195
Ông Đinh Hùng Cường	-	246.500.000
	7.718.423.549	7.218.766.092

Trong năm nay và năm trước, các thành viên khác của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành/Ban Tổng Giám đốc không có thu nhập phát sinh từ Công ty.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 7.500.000.000 VND, là số tiền dùng để mua cổ phần của công ty con đã được đặt cọc từ năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia chưa bao gồm 9.100.000.000 VND, là số tiền cổ tức chưa được thanh toán tại thời điểm cuối năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01012025/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 01 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc chuyển nhượng 3.489.000 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC ("CNC Hitech"), với giá trị chuyển nhượng là 34.890.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0101/2025/HDCNCP/CNCHITECH ngày 01 tháng 01 năm 2025 với Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long (công ty con) để chuyển nhượng 3.489.000 cổ phần, với giá trị chuyển nhượng là 34.890.000.000 VND. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng số lượng cổ phần này. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty tại CNC Hitech là 0%, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long tại CNC Hitech đều là 96,92% và CNC Hitech trở thành công ty con trực tiếp của Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.



Nguyễn Hạnh Linh
Người lập biểu



Nguyễn Thái Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2025

